TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32 /2021/DS - ST
Ngày: 28 -12-2021.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Hường
- Ông Phạm Ngọc Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST-TCDS ngày 25 tháng 05 năm 2021, về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐST-DS, ngày 03-12-2021, Quyết định hoãn Phiên tòa số:17, ngày 16-12-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm: 1946 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số x, Quốc lộ A, khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- Bị đơn: Vợ chồng bà Trương Thị M, sinh năm: 1965 (có mặt); ông Trần Văn B, sinh năm: 1963 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số z, Quốc lộ A, khu phố j, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh S, sinh năm: 1959 (có mặt).
Địa chỉ: Phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Võ Thị Q nguyên đơn, ông Trần Thanh S là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2017 vợ chồng bà Trương Thị M, ông Trần Văn B có mượn của bà Võ Thị Q số tiền 1.000.000.000 đồng, khi mượn 2 bên có lập hợp đồng bằng giấy viết tay, giấy viết tay do bà M viết có đầu đề: "Giấy mượn tiền" khi viết xong bà Trương Thị M, ông Trần Văn B ký vào giấy mượn tiền.

Nội dung mượn tiền: Làm dự án để chăn nuôi Dê, vợ chồng bà M, ông B hẹn đến tháng 12/2018 trả.

Khi đến hạn trả nợ vợ chồng bà Trương Thị M, ông Trần Văn B không trả nợ.

Ngày 13-12-2019 bà Võ Thị Q yêu cầu vợ chồng bà Trương Thị M, ông Trần Văn B đến văn phòng Thừa Phát Lại tại P để lập vi bằng làm chứng cứ và xác nhận nợ.

Tại văn phòng Thừa Phát Lại tại P, vợ chồng bà Trương Thị M với ông Trần Văn B xác nhận có nợ của bà Võ Thị Q số tiền 1.000.000.000 đồng và xin hẹn nợ, khi đến hạn trả nợ vợ chồng không chịu trả.

Nay bà Q làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Trương Thị M với ông Trần Văn B trả nợ cho bà Võ Thị Q số tiền 1.000.000.000 đồng, bà Q không yêu cầu bà M, ông B trả lãi và bà Q xác nhận số tiền này là tiền riêng của bà Q.

Bà M trình bày: Tòa án có triệu vợ chồng tôi là Trương Thị M, ông Trần Văn B nhưng ông B bận công việc gia đình không đến Tòa án được, tôi xin đại diện cho ông B giải quyết việc kiện giữa bà Q với vợ chồng tôi.

Trước đây năm nào bà M không nhớ rõ, bà có vay của bà Võ Thị Q số tiền 450.000.000 đồng; lãi suất 3% /tháng khi vay toàn bộ giấy vay bà Q giữ và bà có trả lãi hàng tháng cho bà Q và việc trả lãi bà chỉ trả trực tiếp cho bà Q và con bà Q chứ hai bên cũng không có viết giấy trả lãi.

Bà không có tiền trả nợ năm 2019 bà Q yêu cầu bà và chồng bà là ông B đến văn phòng Thừa Phát Lại ở P, Ninh Thuận làm thủ tục xác nhận nợ.

Tại văn phòng Thừa Phát Lại có mặt vợ chồng bà (M), ông B và bà Q văn phòng Thừa Phát Lại có lập văn bản xác nhận nợ các bên cùng ký vào có sự chứng kiến của Văn phòng Thừa Phát Lại.

Khi làm giấy tại Văn phòng Thừa Phát Lại tính tổng cộng vợ chồng bà (M), ông B có nợ của bà Q số tiền 1.800.000.000 đồng.

Đến năm 2020 bà Q làm đơn khởi kiện số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu) và bà Q nói với bà (M) bà Q chỉ kiện đòi số tiền nợ 800.000.000 đồng, còn số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ) bà Q không khởi kiện, nay bà Q tiếp tục khởi kiện đòi số tiền 1.000.000.000 đồng vợ chồng bà không đồng ý trả; tại phiên tòa bà M xác nhận vợ chồng bà còn nợ của bà Q 1.000.000.000 đồng nhưng do vợ chồng bà khó khăn không có tiền trả.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng bà Trương Thị M, ông Trần Văn B phải trả cho bà Võ Thị Q số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) về lãi không xem xét do nguyên đơn không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp*:* Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Bộ luật dân sự 2015; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tòa án tống đạt các văn bản theo thủ tục tố tụng ông Trần Văn B không có mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 228 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền phía nguyên đơn khẳng định: vợ chồng ông Trần Văn B, bà Trương Thị M có vay của bà Võ Thị Q số tiền 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng vay lập ngày 12-10-2017 có chữ ký, chữ viết của ông B, bà M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn B và bà Trương Thị M phải trả cho bà Võ Thị Q số tiền 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng vay lập ngày 12-10-2017, về lãi không yêu cầu bà M, ông B trả.

[5] Xét trình bày của bị đơn (B, M) thu thập lưu trong hồ sơ: Bị đơn không thừa nhận số tiền nợ 1.000.000.000 đồng theo tài liệu, chứng cứ từ bà Q cung cấp; bà M xác nhận có nợ của bà Q số tiền 450.000.000 đồng; tại phiên tòa bà M xác nhận vợ chồng bà còn nợ của bà Q 1.000.000.000 đồng nhưng nay vợ chồng bà khó khăn không có tiền trả.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu nguyên đơn cung cấp gồm các giấy mượn tiền lập vào ngày 25-09-2015 số tiền mượn 350.000.000 đồng, ngày 25-09-2017 số tiền mượn 450.000.000 đồng, ngày 12-10-2017 số tiền mượn 1.000.000.000 đồng và Vi bằng số 10/2019/VB-TPLPR lập ngày 13-12-2019 tại văn phòng Thừa phát lại tại Phan Rang đều có các chữ ký, chữ viết của bà M, ông B và bà Q; các bên đều thừa nhận các giấy mượn tiền và Vi bằng của văn phòng Thừa phát lại tại Phan Rang lập, lưu giữ là chữ ký, chữ viết của các bên đương sự.

[7] Bà Võ Thị Q có đơn khởi kiện vợ chồng bà M, ông B trả cho bà 800.000.000 đồng; ngày 26-01-2021 Tòa án Nhân dân huyện N xét xử buộc vợ chồng bà M, ông B trả cho bà Võ Thị Q số tiền 800.000.000 đồng của 2 giấy mượn tiền lập ngày 25-09-2015 số tiền 350.000.000 đồng, ngày 25-09-2017 số tiền 450.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà Q; còn số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 12-10-2017 bà Q sẻ khởi kiện sau.

Nay bà Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà M, ông B trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập vào ngày12-10-2017 là có căn cứ.

[8] Xét trình bày của phía nguyên đơn, bị đơn, tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ thể là Vi bằng số: 10/2019/VB-TPLPR lập ngày 13-12-2019 tại văn phòng Thừa phát lại tại Phan Rang có căn cứ xác định vợ chồng ông Trần Văn B và bà Trương Thị M có nợ của bà Võ Thị Q số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 12-10-2017.

[9] Từ phân tích và các chứng cứ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Trần Văn B và bà Trương Thị M phải trả cho bà Võ Thị Q số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ) theo giấy mượn tiền lập ngày 12-10-2017.

Về lãi suất: Hội đồng xét xử không xem xét do bà Q không có yêu cầu ông B, bà M trả lãi.

[10] Về án phí: Ông B, bà M có đơn xin giảm án phí do điều kiện khó khăn có xác nhận của UBND thị trấn Phước Dân. Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% án phí cho ông B, bà M.

- Buộc ông Trần Văn B, bà Trương Thị M phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là: 21.000.000 đồng, cách tính: (36.000.000đ + 3% số tiền vượt quá 800.000.000đ x 50%)

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 47, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 280, Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 13, Điều 26 Nghị quyết 326 UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Q.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn B và bà Trương Thị M phải trả cho bà Võ Thị Q số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ) theo giấy mượn tiền lập ngày 12-10-2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Trần Văn B, bà Trương Thị M phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là: 21.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cách tính: (36.000.000đ + 3% số tiền vượt quá 800.000.000đ x 50%).

"...trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt bị đơn bà M, vắng mặt ông B; báo cho những người có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Hường; Nguyễn Ngọc Minh **Đoàn Sửu**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N (để thi hành);
- Các đương sự (để biết);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sửu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N
(để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sửu